CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ "Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt" thành "Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất", các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 số 0105334948 vào ngày 18 tháng 11 năm 2013.

- **Vốn điều lệ** : 680.000.000.000 VND

  Số lượng cổ phiếu : 68.000.000 cổ phiếu

  Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

  Địa chỉ : Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

  Điện thoại : (84 - 04) 62766366

  Fax : (84 - 04) 62766466

  Mã số thuế : **0 1 0 5 3 3 4 9 4 8**

- **Ngành, nghề kinh doanh**

  Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non…

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	***Chức vụ***
Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Chí Thiện	Chủ tịch
Ông Hoàng Mạnh Cường	Thành viên
Ông Tạ Văn Quyền	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Việt	Thành viên

Họ và tên	***Chức vụ***
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 27).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0105334948 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT - Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

TẠ VĂN QUYỀN - Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2014

Vietland Limited

02 Huynh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

Số: 0241/2014/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được lập ngày 09 tháng 05 năm 2014, từ trang 7 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành	**NGUYỄN NGỌC TÚ - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**212.932.492.098**	**116.645.630.242**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**25.864.391.595**	**767.959.169**
Tiền	111	V.1	25.864.391.595	767.959.169
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**104.327.366.628**	**27.100.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		104.890.002.573	27.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(562.635.945)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**79.460.796.500**	**35.963.806.286**
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	53.827.188.500	25.847.387.126
2. Trả trước cho người bán	132		99.500.000	116.419.160
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	25.534.108.000	10.000.000.000
IV. Hàng tồn kho	**140**		**3.013.410.076**	**48.144.729.392**
Hàng tồn kho	141	V.5	3.013.410.076	48.144.729.392
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**266.527.299**	**4.669.135.395**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	14.445.939	17.904.983
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.311.390.312
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	252.081.360	339.840.100
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**556.619.182.139**	**65.283.798**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.068.346.454**	**16.587.879**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	970.013.121	16.587.879
Nguyên giá	*222*		*978.752.728*	*16.727.273*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(8.739.607)*	*(139.394)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	98.333.333	-
Nguyên giá	*228*		*100.000.000*	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.666.667)*	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**554.957.692.160**	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	260.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	294.957.692.160	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**593.143.525**	**48.695.919**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	593.143.525	48.695.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**769.551.674.237**	**116.710.914.040**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**60.606.973.107**	**32.576.994.062**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**60.606.973.107**	**32.576.994.062**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	1.642.218.287	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	48.704.198.000	21.700.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	10.000.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	10.243.016.587	876.994.062
5. Phải trả người lao động	315		14.566.543	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.973.690	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**708.944.701.130**	**84.133.919.978**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**708.944.701.130**	**84.133.919.978**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		680.000.000.000	80.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.944.701.130	4.133.919.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**769.551.674.237**	**116.710.914.040**

Thành phố Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2014

TẠ VĂN QUYỀN	**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**	**NGUYỄN THU HUYỀN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2013

(Có so sánh số liệu năm 2012)

MẪU B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	122.859.186.700	23.570.351.933
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.859.186.700	23.570.351.933
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.261.379.516	18.054.962.179
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.597.807.184	5.515.389.754
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.950.846.266	20.644.035
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	2.098.484.427	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*5.439.216*	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.353.033.290	487.520.370
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.097.135.733	5.048.513.419
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác	40		-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.097.135.733	5.048.513.419
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	8.286.354.581	876.994.062
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.6	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.810.781.152	4.171.519.357
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	904	834

Thành phố Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2014

TẠ VĂN QUYỀN	**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**	**NGUYỄN THU HUYỀN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
NĂM 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**33.097.135.733**	**5.048.513.419**
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.124.153	139.394
- Các khoản dự phòng	03		562.635.945	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.410.021.121)	(20.644.035)
- Chi phí lãi vay	06		5.439.216	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***28.266.313.926***	***5.028.008.778***
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(38.357.903.162)	(6.314.512.379)
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10		45.131.319.316	(48.144.729.392)
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	19.062.116.405	21.700.000.000
- Tăng chi phí trả trước	12		(525.118.562)	(66.600.902)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.439.216)	-
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.000.710.228)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(205.830.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**52.364.748.479**	**(27.797.833.895)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(1.038.752.728)	(16.727.273)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(89.400.000.000)	(27.100.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.100.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(595.447.694.733)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	4.875.913.121	20.644.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(628.910.534.340)**	**(27.096.083.238)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		600.000.000.000	55.000.000.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.632.212.004	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.989.993.717)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**601.642.218.287**	**55.000.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**25.096.432.426**	**106.082.867**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**767.959.169**	**661.876.302**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**25.864.391.595**	**767.959.169**

Thành phố Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2014

TẠ VĂN QUYỀN	**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**	**NGUYỄN THU HUYỀN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vựckinh doanh : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

3. Ngành, nghề kinh doanh :

Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non…

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là32người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 28người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 3 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tưngắn hạn, phải thu khách hàng,các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi

dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sảncố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuậncòn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụđược ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụđược xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụđó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụđó.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vayđược ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	384.750.220	749.090.877
Tiền gửi ngân hàng	24.485.124.393	18.868.292
Tiền đang chuyển	994.516.982	-
Cộng	**25.864.391.595**	**767.959.169**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (i)	40.490.002.573	-
Các khoản cho vay ngắn hạn (j)	64.400.000.000	27.100.000.000
Cộng	**104.890.002.573**	**27.100.000.000**
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (i)	(562.635.945)	-
Đầu tư ngắn hạn thuần	**104.327.366.628**	**27.100.000.000**

(i) Chi tiết cổ phiếu đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ sách	Giảm so với giá thị trường
Công ty Cổ phần công nghệ Tiên Phong	601.030	4.048.248.579	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	752.530	10.203.260.982	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	1.253.110	12.461.900.215	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	354.500	6.660.034.945	(562.635.945)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	300.000	4.807.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	330.710	2.309.357.852	-
Cộng	**3.591.880**	**40.490.002.573**	**(562.635.945)**

(j) Các khoản cho vay cá nhân có thời hạn trong vòng 1 năm với là lãi suất 10,5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Linh Nhâm	-	300.000.000
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Việt Thái Sơn capital	-	143.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Việt Nam	-	24.904.387.126
Công ty Cổ phần Tài chính - Đầu tư và Dịch vụ FISC	42.468.000.000	-
Công ty TNHH Elmich Việt Nam	11.359.188.500	-
Cộng	**53.827.188.500**	**25.847.387.126**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Tây	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại G.C.T (i)	25.000.000.000	-
Cổ tức phải thu	534.108.000	-
Cộng	**25.534.108.000**	**10.000.000.000**

(i) Vào ngày 02 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại G.C.T để cùng thi công dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng tại Bắc Ninh.

5. Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	48.000.000.000
Hàng hóa tồn kho	3.013.410.076	144.729.392
Cộng	**3.013.410.076**	**48.144.729.392**

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Tiền thuê văn phòng	-	189.000.000	189.000.000	-
Chi phí mua bảo hiểm	-	1.014.000	84.500	929.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.904.983	15.059.727	19.448.271	13.516.439
Cộng	**17.904.983**	**205.073.727**	**208.532.771**	**14.445.939**

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng nhân viên	46.251.360	339.840.100
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	205.830.000	-
Cộng	**252.081.360**	**339.840.100**

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	16.727.273	16.727.273
Tăng trong năm	948.752.728	30.000.000	978.752.728
Mua sắm mới	*948.752.728*	*30.000.000*	*978.752.728*
Giảm trong năm	-	16.727.273	16.727.273
Phân loại lại tài sản	-	*16.727.273*	*16.727.273*
Số cuối năm	**948.752.728**	**30.000.000**	**978.752.728**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	139.394	139.394
Tăng trong năm	7.906.273	1.551.213	9.457.486
Khấu hao trong năm	*7.906.273*	*1.551.213*	*9.457.486*
Giảm trong năm	-	857.273	857.273
Phân loại lại tài sản	-	*857.273*	*857.273*
Số cuối năm	**7.906.273**	**833.334**	**8.739.607**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	16.587.879	16.587.879
Số cuối năm	**940.846.455**	**29.166.666**	**970.013.121**

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	100.000.000	-	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	1.666.667	-	1.666.667
Giá trị còn lại	**-**	**98.333.333**	**-**	**98.333.333**

10. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Quảng Nam Đà Nẵng	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản xuất nhập khẩu Áng Sơn III	95.000.000.000	-
Cộng	**260.000.000.000**	**-**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Số 52, Phạm Văn Đồng, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%	135.000.000.000	Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Quảng Nam Đà	Thôn 1, Xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	98,36%	98,36%	30.000.000.000	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Nẵng Công ty Cổ phần Khoáng sản Xuất nhập khẩu Áng Sơn III (i)	Thôn Áng Sơn, Xã Vạn Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	95,00%	95,00%	95.000.000.000	Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp)
Cộng				**260.000.000.000**	

(i) Công ty Cổ phần Khoáng sản Xuất nhập khẩu Áng Sơn III được đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 3100958190 ngày 18 tháng 3 năm 2014.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	86.400.000.000	-
Công ty TNHH Thống Nhất	171.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	37.557.692.160	-
Cộng	**294.957.692.160**	**-**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Thôn Bình Nông, Xã Xuân Lâm, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	48,00%	48,00%	86.400.000.000	Khai thác và chế biến đá
Công ty TNHH Thống Nhất	Số 33 Lê Quý Đôn, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	33,33%	33,33%	171.000.000.000	Khai thác và chế biến titan
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Số 5 Bà Triệu, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	24,86%	24,86%	37.557.692.160	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm; Kinh doanh dịch vụ thương mại
Cộng				**294.957.692.160**	

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc	-	454.545.455	12.626.263	441.919.192
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.695.919	57.520.909	39.271.818	66.945.010
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	724.465.382	640.186.059	84.279.323
Cộng	**48.695.919**	**1.236.531.746**	**692.084.140**	**593.143.525**

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.642.218.287	-
Cộng	**1.642.218.287**	**-**

Số dư vay ngắn hạn cuối năm thể hiện khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 021C246888/GD/HĐTD. Đây là khoản vay tín chấp, lãi suất 16,2%/năm.

14. Phải trả người bán

Công ty Khoáng sản Lào Cai	-	21.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	-	150.000.000
Bà Đặng Thùy Nhung	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Việt Thái Sơn Capital	720.000.000	-
Công ty Cổ phần phần mềm Effect	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại G.C.T	47.033.800.000	-
Công ty TNHH XNK Inexco	910.398.000	-
Cộng	**48.704.198.000**	**21.700.000.000**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	2.080.378.172	-	2.080.378.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	876.994.062	8.286.354.581	1.000.710.228	8.162.638.415
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế môn bài	-	*3.000.000*	*3.000.000*	-
Cộng	**876.994.062**	**10.369.732.753**	**1.003.710.228**	**10.243.016.587**

- ***Thuế giá trị gia tăng***

  Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.
  Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
  Thuế suất áp dụng : 10%

- ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

  Xem Thuyết minh số VI.6

- ***Các loại thuế khác***

  Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong các năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	**25.000.000.000**	**(37.599.379)**	**24.962.400.621**
Góp vốn trong năm trước	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	4.171.519.357	4.171.519.357
Số cuối năm trước/ Số đầu năm nay	**80.000.000.000**	**4.133.919.978**	**84.133.919.978**
Góp vốn trong năm nay	600.000.000.000	-	600.000.000.000
Lợi nhuận năm nay	-	24.810.781.152	24.810.781.152
Số cuối năm	**680.000.000.000**	**28.944.701.130**	**708.944.701.130**

Trong năm 2013, Công đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 VND lên 680.000.000.000 VND và bổ sung, thay đổi cổ đông góp vốn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, các cổ đông của Công ty cũng đã hoàn tất việc góp vốn điều lệ theo quy định.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	68.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*68.000.000*	*8.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*68.000.000*	*8.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	21.979.186.700	22.640.351.933
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	930.000.000
Doanh thu khai thác khoáng sản	45.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	55.880.000.000	-
Cộng	**122.859.186.700**	**23.570.351.933**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	12.503.379.516	17.516.558.179
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	538.404.000
Giá vốn khai thác khoáng sản	48.000.000.000	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	42.758.000.000	-
Cộng	**103.261.379.516**	**18.054.962.179**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	14.208.121	20.644.035
Lãi tiền cho vay	4.861.705.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	534.108.000	-
Lãi chuyển nhượng cổ phần	10.500.000.000	-
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	1.040.825.145	-
Cộng	**16.950.846.266**	**20.644.035**

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	5.439.216	-
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.508.848.000	-
Dự phòng giảm giá lỗ đầu tư cổ phiếu	562.635.945	-
Chi phí khác	21.561.266	-
Cộng	**2.098.484.427**	**-**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	301.046.568	217.537.273
Chi phí công cụ, dụng cụ	67.962.897	34.554.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.124.153	139.394
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.662.669	24.889.753
Chi phí bằng tiền khác	305.237.003	207.399.306
Cộng	**1.353.033.290**	**487.520.370**

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**33.097.135.733**	**5.048.513.419**
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	***48.282.592***	***480.598***
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	48.282.592	480.598
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Chuyển lỗ	**-**	**(37.599.379)**
Tổng thu nhập chịu thuế	**33.145.418.325**	**5.011.394.638**
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**8.286.354.581**	**1.252.848.660**
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(375.854.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.286.354.581**	**876.994.062**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	**24.810.781.152**	**4.171.519.357**
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**24.810.781.152**	**4.171.519.357**
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (i)	27.458.965	4.999.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**904**	**834**

(i) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	2.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	60.000.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**27.458.965**	**4.999.770**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.571.342.413	17.551.112.823
Chi phí nhân công	301.046.568	217.537.273
Chi phí khấu hao	11.124.153	139.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.422.662.669	563.293.753
Chi phí bằng tiền khác	308.237.003	210.399.306
Cộng	**104.614.412.806**	**18.542.482.549**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải thu	534.108.000	-
Mua phần mềm kế toán chưa thanh toán	40.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	840.000.000	435.000.000
Cộng	**840.000.000**	**435.000.000**

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.864.391.595	767.959.169
Đầu tư ngắn hạn	104.327.366.628	27.100.000.000
Phải thu khách hàng	53.827.188.500	25.847.387.126
Các khoản phải thu khác	25.534.108.000	10.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn	205.830.000	-
Cộng	**209.758.884.723**	**63.715.346.295**
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	1.642.218.287	-
Phải trả cho người bán	48.704.198.000	21.700.000.000
Cộng	**50.346.416.287**	**21.700.000.000**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro vềgiá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếulà rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn,tiền gửi ngân hàng,..).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công tyhiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai khác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành.Công tytin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	1.642.218.287	-	-	1.642.218.287
Phải trả người bán	48.704.198.000	-	-	48.704.198.000
Cộng	**50.346.416.287**	**-**	**-**	**50.346.416.287**
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.864.391.595	-	-	25.864.391.595
Đầu tư ngắn hạn	104.327.366.628			104.327.366.628
Phải thu khách hàng	53.827.188.500	-	-	53.827.188.500
Các khoản phải thu khác	25.534.108.000	-	-	25.534.108.000
Ký quỹ ngắn hạn	205.830.000	-	-	205.830.000
Cộng	**209.758.884.723**	**-**	**-**	**209.758.884.723**
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối năm	**159.412.468.436**	**-**	**-**	**159.412.468.436**
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán	21.700.000.000	-	-	21.700.000.000
Cộng	**21.700.000.000**	**-**	**-**	**21.700.000.000**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	767.959.169	-	-	767.959.169
Đầu tư ngắn hạn	27.100.000.000			27.100.000.000
Phải thu khách hàng	25.847.387.126	-	-	25.847.387.126
Các khoản phải thu khác	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	**63.715.346.295**	**-**	**-**	**63.715.346.295**
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu năm	**42.015.346.295**	**-**	**-**	**42.015.346.295**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm và năm trước của Báo cáo tài chính năm 2013 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á. Một số số liệu của kỳ Báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2014

TẠ VĂN QUYỀN	**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**	**NGUYỄN THU HUYỀN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**